

065929

NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM KHI GIA NHẬP HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

LƯƠNG VĂN KHÔI*

Ngày 5-10-2015, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương đã kết thúc các vòng đàm phán được khởi động từ năm 2009. Kết nối 12 nền kinh tế thuộc hai bờ Thái Bình Dương⁽¹⁾ với sự đa dạng về địa lý, ngôn ngữ và lịch sử, quy mô và mức độ phát triển, Hiệp định được kỳ vọng sẽ tạo ra những cơ hội thương mại và đầu tư mới, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới cho các nước thành viên, trong đó có Việt Nam.

Hướng tới một mô hình mới về hội nhập và hợp tác kinh tế

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) có nguồn gốc từ Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (còn gọi là P4) - được ký ngày 3-6-2005, có hiệu lực từ ngày 28-5-2006, giữa 4 nước gồm: Bru-nây, Chi-lê, Niu Di-lân và Xin-ga-po. Hiệp định này quy định các nguyên tắc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, các vấn đề về lao động, môi trường, mua sắm chính phủ... Tuy nhiên, do quy mô của 4 nước thành viên P4 đều nhỏ nên chưa thu hút được sự quan tâm của các nước và nền kinh tế trong khu vực.

Đến tháng 9-2008, Hoa Kỳ thông báo quyết định tham gia P4 nhưng không phải trên cơ sở Hiệp định P4 cũ mà các bên sẽ đàm phán một hiệp định hoàn toàn mới có tên là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Tháng 11-2008, các nước Ô-xtrây-li-a, Pê-ru tuyên bố tham gia TPP. Cùng với quá trình đàm phán, TPP tiếp nhận thêm các thành viên mới là Việt Nam

(tháng 10-2010), Ma-lai-xi-a (tháng 11-2010), Mê-hi-cô (tháng 6-2012), Ca-na-đa (tháng 6-2012) và Nhật Bản (tháng 7-2013). Đàm phán TPP chính thức được khởi động từ tháng 12-2009, sau khi ông Ba-rắc Ô-ba-ma trở thành Tổng thống Hoa Kỳ.

Về nội dung đàm phán, ngoài các nội dung đàm phán mang tính truyền thống như trong các hiệp định thương mại tự do (FTA), các quốc gia thành viên TPP còn tập trung thảo luận những đề xuất và biện pháp thúc đẩy hợp tác trong các vấn đề liên quan tới hoạch định chính sách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, phát triển chuỗi cung cấp và sản xuất giữa các nước thành viên, nâng cao sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào quá trình lưu thông hàng hóa, cũng như thúc đẩy sự phát triển chung của các quốc gia thành viên.

* TS, Trưởng Ban Kinh tế thế giới, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội quốc gia

(1) Gồm Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Hoa Kỳ, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Nhật Bản, Niu Di-lân, Pê-ru, Ô-xtrây-li-a, Xin-ga-po và Việt Nam

Đàm phán TPP trở nên gay gắt nhất bởi nó hướng tới thỏa thuận sâu rộng không chỉ về kinh tế mà còn cả về xã hội, môi trường và đều ở cấp độ cao nhất. Những khó khăn, bất đồng lớn nhất giữa các nước trong đàm phán TPP liên quan đến một số nội dung, như ưu đãi cho khối doanh nghiệp nhà nước và các điều kiện cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân; các rào cản khi tiếp cận thị trường sản phẩm nông nghiệp Ca-na-đa; hạn ngạch nhập khẩu đối với lúa gạo của Hoa Kỳ vào thị trường Nhật Bản; quy định quản lý rừng nhiệt đới ở Pê-ru; sợi của Trung Quốc trong các sản phẩm dệt may xuất khẩu của Việt Nam; vấn đề độc quyền dữ liệu đối với các dược phẩm sinh học ở Mỹ; các quy định về thị trường lao động ở Việt Nam và Mê-hi-cô; tốc độ xóa bỏ thuế quan đối với phụ tùng ô-tô của Nhật Bản.

Những nút thắt cuối cùng - những điểm khác biệt lớn nhất còn tồn tại trong TPP mà các nước chưa thỏa thuận được với nhau đã được tháo gỡ trong 5 ngày đàm phán cuối diễn ra rất căng thẳng tại thành phố Át-lan-ta (bang Gioóc-giơ, Hoa Kỳ). Ngày 5-10-2015, TPP chính thức hoàn tất đàm phán, với việc các bên liên quan đạt được sự thỏa hiệp để tháo gỡ những ách tắc cuối cùng. Đó là: loại bỏ các loại thuế nhập khẩu bơ vào Hoa Kỳ, Nhật Bản; loại bỏ thuế nhập khẩu sữa bột vào Hoa Kỳ, sửa công thức vào Hoa Kỳ, Ca-na-đa và Mê-hi-cô; thời hạn bảo hộ đối với các sản phẩm sinh được tối thiểu là 5 năm, thay vì 12 năm như Hoa Kỳ yêu cầu trước đây.

Hiệp định chất lượng cao, kỳ vọng, toàn diện và cân bằng

Năm đặc điểm chính khiến TPP trở thành một hiệp định mang tính bước ngoặt của thế kỷ XXI, tạo ra một tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu bao gồm: 1- *Tiếp cận*

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương bao gồm 30 chương: 1- Các điều khoản ban đầu và định nghĩa chung; 2- Thương mại hàng hóa; 3- Dệt may; 4- Quy tắc xuất xứ; 5- Quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại; 6- Các biện pháp vệ sinh, kiểm dịch động, thực vật; 7- Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT); 8- Phòng vệ thương mại; 9- Đầu tư; 10- Thương mại dịch vụ qua biên giới; 11- Dịch vụ tài chính; 12- Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh; 13- Viễn thông; 14- Thương mại điện tử; 15- Mua sắm chính phủ; 16- Chính sách cạnh tranh; 17- Doanh nghiệp nhà nước (SOEs); 18- Sở hữu trí tuệ. 19- Lao động; 20- Môi trường; 21- Hợp tác và nâng cao năng lực; 22- Cạnh tranh và tạo thuận lợi kinh doanh; 23- Phát triển; 24- Doanh nghiệp vừa và nhỏ; 25- Gắn kết môi trường chính sách; 26- Minh bạch hóa và chống tham nhũng; 27- Các điều khoản về hành chính và thể chế; 28- Giải quyết tranh chấp; 29- Ngoại lệ; 30- Các điều khoản cuối cùng.

*thị trường một cách toàn diện: Về cơ bản, TPP cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan đối với tất cả thương mại hàng hóa và dịch vụ và điều chỉnh toàn bộ các lĩnh vực về thương mại và đầu tư nhằm tạo cơ hội và lợi ích mới cho doanh nghiệp, người lao động và người tiêu dùng của các nước thành viên; 2- *Tiếp cận mang tính khu vực trong việc đưa ra các cam kết: TPP tạo thuận lợi cho việc phát triển sản xuất và dây chuyền cung ứng, cũng như thương mại không gián đoạn, đẩy mạnh tính hiệu quả và hỗ trợ thực hiện mục tiêu về tạo việc làm, nâng cao mức sống, thúc đẩy các nỗ lực bảo tồn và tạo thuận lợi cho việc hội nhập qua biên giới cũng như**

mở cửa thị trường trong nước; 3- *Giải quyết các thách thức mới đối với thương mại*: TPP thúc đẩy việc đổi mới, năng suất và tính cạnh tranh thông qua việc giải quyết các vấn đề mới, trong đó bao gồm việc phát triển kinh tế số và vai trò ngày càng tăng của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế toàn cầu; 4- *Bao hàm toàn bộ các yếu tố liên quan đến thương mại*: Bảo đảm cho các nền kinh tế ở tất cả các cấp độ phát triển và doanh nghiệp thuộc mọi quy mô đều có thể hưởng lợi từ thương mại. TPP có các cam kết nhằm trợ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu rõ về Hiệp định, tận dụng được những cơ hội mà Hiệp định mang lại và nêu lên những thách thức đáng chú ý tới chính phủ các nước thành viên; 5- *Nền tảng cho hội nhập khu vực*: TPP tạo nền tảng cho việc hội nhập kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Có thể nói, TPP là thỏa thuận lớn nhất, quan trọng nhất mà các nước đã đạt được trong 20 năm qua kể từ vòng đàm phán U-ru-goay. Nếu được các nước thành viên chính thức phê chuẩn, TPP sẽ tạo ra khu vực thương mại tự do lớn nhất từ trước tới nay với khoảng 800 triệu dân, chiếm hơn 40% GDP và 30% thương mại toàn cầu với các tiêu chuẩn mới và cao về thương mại và đầu tư tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. TPP được kỳ vọng sẽ tạo ra và duy trì việc làm, tạo bước đột phá, thúc đẩy việc đổi mới, năng suất và tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng sống, giảm đói nghèo tại các nước, đồng thời khuyến khích sự minh bạch, hiệu quả điều hành cũng như bảo vệ người lao động và bảo vệ môi trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển toàn diện và đổi mới ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Với những đặc điểm trên, TPP khác biệt so với FTA ở một số nét lớn sau:

Thứ nhất, so với các FTA trước đây, các cam kết trong TPP có phạm vi rộng và sâu hơn. Là điển hình của các FTA thế hệ mới,

TPP đề cập không chỉ các vấn đề thuộc lĩnh vực thương mại truyền thống, như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ mà còn cả các nội dung phi truyền thống, các vấn đề mới đặt ra trong đầu thế kỷ XXI, như các nội dung liên quan đến In-tơ-nét và kinh tế số, khả năng của các doanh nghiệp nhỏ trong việc tận dụng các hiệp định thương mại và những nội dung khác và sự tham gia ngày càng tăng của doanh nghiệp nhà nước vào thương mại và đầu tư quốc tế.

Thứ hai, TPP sẽ mở ra một môi trường thông thoáng, bình đẳng và dễ dự đoán dành cho các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường của các nước thành viên, bằng cách khuyến khích minh bạch hóa, công bằng và hợp tác giữa các chính phủ thành viên TPP, góp phần thúc đẩy xu thế liên kết đa tầng nấc cũng như duy trì sự phát triển năng động của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ ba, TPP đặt ra những quy chuẩn định hình thương mại thế kỷ XXI và góp phần xóa bỏ những rào cản thương mại trong các lĩnh vực, như tiếp cận thị trường, mua sắm chính phủ qua việc đặt ra những chuẩn mực mới về tính gắn kết các văn bản pháp quy, quyền của người lao động, bảo vệ môi trường cũng như quyền sở hữu trí tuệ.

Nếu như FTA thường tập trung nhiều vào việc giảm thuế, chủ yếu ảnh hưởng tới chính sách thuế quan tại biên giới, thì TPP nhắm đến việc thiết lập bộ quy tắc thương mại tiêu chuẩn cao (không chỉ các vấn đề mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ mà còn cả những lĩnh vực phi thương mại khác).

Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam khi tham gia TPP

Theo nhận định chung, TPP được đánh giá là sẽ mang lại những cơ hội lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Viện Kinh tế quốc tế Peterson (PIIE) của Hoa Kỳ dự tính, thu nhập và kim ngạch xuất khẩu của Việt

Năm năm 2025 sẽ tăng thêm với các mức tương ứng là 13,6% và 37,3%. Trước hết, về đầu tư, nhiều ý kiến cho rằng, do lợi thế nhân công giá rẻ và sự ưa thích của các nhà đầu tư nước ngoài nên có khả năng dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam sẽ tăng mạnh. Cụ thể, phần lớn các ngành mũi nhọn của Việt Nam, như cơ khí chế tạo (ô-tô, động tàu, thiết bị toàn bộ, máy nông nghiệp, cơ điện tử); thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin đều là những lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài có thể mạnh của các nước phát triển trong TPP, như Hoa Kỳ và Nhật Bản. Khi TPP được ký kết và có hiệu lực, Việt Nam trở thành nước có chi phí lao động thấp nhất trong số các nước TPP, do vậy, triển vọng thu hút FDI từ các nước phát triển trong TPP vào lĩnh vực chế tác của Việt Nam có khả năng sẽ tăng mạnh. Bên cạnh đó, với việc Việt Nam tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng yêu cầu của Hiệp định, đầu tư của các nước thành viên TPP phát triển vào lĩnh vực công nghệ thông tin dự báo sẽ tăng mạnh. Do vậy, TPP sẽ tạo ra lực đẩy cho các ngành mũi nhọn của Việt Nam phát triển, tạo thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong số những ngành có tác động lan tỏa kinh tế lớn của Việt Nam, ngành sản xuất, chế biến thực phẩm là một trong những lĩnh vực đầu tư lớn của các nước phát triển là thành viên TPP (như Hoa Kỳ) ra nước ngoài trong khi khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam ở lĩnh vực này còn thấp, đặc biệt là về công nghệ chế biến. Do vậy, với lợi thế về vốn và công nghệ tiên tiến và nền nông nghiệp phát triển, các nước này có thể tăng cường đầu tư nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu dồi dào và/hoặc đầu tư vào sản xuất nguyên liệu đầu vào cho ngành này tại Việt Nam.

Thứ hai, về thương mại, TPP giúp đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của

Việt Nam sang thị trường các nước thành viên TPP khi thuế suất vào các thị trường này được xóa bỏ gần như hoàn toàn sau khi TPP có hiệu lực, đồng thời tăng cường nhập máy móc, thiết bị của các nước phát triển có trình độ công nghệ hiện đại, tiên tiến hơn, qua đó cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước; giúp Việt Nam giảm sự phụ thuộc quá mức vào một thị trường hay khu vực thị trường nhất định.

Mặc dù TPP mang lại nhiều cơ hội, nhưng do cơ cấu kinh tế và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, của khu vực doanh nghiệp nói riêng còn yếu, trong khi chưa có sự chuẩn bị tốt nên Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức khi TPP được ký kết chính thức và có hiệu lực.

Xét theo cơ cấu hàng xuất khẩu, Việt Nam hiện chủ yếu xuất khẩu nhóm hàng tiêu dùng và nhập khẩu nhóm hàng trung gian, đặc biệt là nhóm hàng bán thành phẩm chủ yếu cho lắp ráp để tiêu dùng trong nước, cụ thể nhập khẩu cho tiêu dùng từ nhân chiếm 37,2%, cho tích lũy vốn là 32,2%, trong khi cho sản xuất hàng xuất khẩu chỉ chiếm 28,5% tổng kim ngạch nhập khẩu (và càng xuất khẩu thì càng phải nhập khẩu lớn do mức tiêu hao đầu vào lớn, đa phần doanh nghiệp trong nước hoạt động kém hiệu quả), điều này khiến cho khi thị trường mở ra, các mặt hàng ngoại sẽ ngập tràn và lấn át hàng hóa trong nước.

Xét theo ngành nghề, ngành nông nghiệp, đặc biệt là chăn nuôi sẽ đối mặt với thách thức lớn. Cụ thể, với nền nông nghiệp thô sơ, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, mức độ công nghiệp hóa nông nghiệp còn rất thấp, thiếu quy trình giám sát chặt chẽ, thiếu khả năng chứng minh nguồn gốc xuất xứ và quy trình sản xuất sạch, nông sản Việt sẽ rất khó xâm nhập vào thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản,... do vấp phải rào cản kỹ thuật và các biện pháp vệ sinh, kiểm dịch động, thực vật chặt chẽ. Nếu vẫn duy trì cách quản lý chất lượng sản

phẩm kém, nhất là chăn nuôi hộ, quy mô nhỏ lẻ, Việt Nam sẽ rất khó cạnh tranh với hàng hóa từ các nước thành viên TPP. Ngành sữa, chăn nuôi, trồng trọt (đậu, ngô), trái cây,... sẽ chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ nhất từ phía hàng hóa nhập khẩu. Giá thành thức ăn chăn nuôi của Việt Nam đang cao hơn 10% so với các nước trong khu vực. Chưa kể, thuế nhập khẩu thịt bò, gà, lợn vào Việt Nam sắp tới sẽ giảm từ 5% xuống còn 0%, chủ yếu từ các nước có lợi thế lớn như Ô-xtrây-li-a và Hoa Kỳ, do đó chăn nuôi của Việt Nam khó có thể cạnh tranh. Tuy nhiên, do thời gian cắt thuế trung bình về 0% là khoảng từ 10 - 15 năm, nên Việt Nam còn thời gian để chuẩn bị cho sự phát triển của ngành chăn nuôi, như đầu tư đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, với thuế suất về 0%, ngành chăn nuôi sẽ được hưởng lợi khi nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, con giống, trang thiết bị chăn nuôi từ các nước đối tác, góp phần giảm chi phí đầu vào trong chăn nuôi.

Ngành nuôi trồng thủy hải sản có cơ hội phát triển mạnh nhất là cá da trơn, song lại là mối lo đối với người nuôi tôm Việt Nam. TPP sẽ buộc người nuôi phải từ bỏ việc dùng thuốc kháng sinh, tuân thủ quy tắc về nguồn gốc xuất xứ,... khiến giá thành sản phẩm sẽ bị đội lên cao. Việt Nam phải nhập tôm từ Ấn Độ để chế biến xuất khẩu, trong khi nước này không phải là thành viên TPP. Điều này sẽ không đáp ứng được quy tắc xuất xứ và do vậy Việt Nam có thể bị mất ưu đãi về thuế quan khi xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ và các nước thành viên khác của TPP.

Ngành dệt may vốn đem lại nhiều ngoại tệ nhất, tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội, song đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của ngành không cao do 69% số doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức gia công, với hiệu quả hoạt động của đa số các doanh nghiệp chỉ đạt khoảng gần 40% mức hiệu quả tối

ưu, chủ yếu do trình độ máy móc thiết bị còn hạn chế, trình độ lao động trực tiếp và trình độ quản trị doanh nghiệp còn thấp.

Quy định về xuất xứ của TPP cũng sẽ thúc đẩy đầu tư vào ngành sản xuất nguyên liệu của Việt Nam, đặc biệt là trong các ngành sợi, nhuộm và dệt. Tuy nhiên thách thức đối với các mặt hàng dệt may xuất khẩu sau khi TPP có hiệu lực là quy định về xuất xứ hàng hóa. Đối với sản phẩm may mặc, yêu cầu áp dụng quy định "từ sợi trở đi", trong khi hiện tại, khoảng 80% - 90% nguyên liệu các sản phẩm dệt may của Việt Nam đến từ các nước và vùng lãnh thổ khác, chủ yếu là Trung Quốc và Đài Loan. Quy định này sẽ gây khó khăn cho Việt Nam trong ngắn hạn bởi nguyên liệu vải sợi nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất hàng may mặc của Việt Nam. Nếu phải nhập khẩu từ các nước khác trong TPP, không nước nào có thể cạnh tranh với Trung Quốc về giá, do vậy, hàng dệt may Việt Nam sẽ phải đối mặt với áp lực tăng giá. Tuy nhiên, trong dài hạn, điều này có thể giúp ngành công nghiệp dệt Việt Nam giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc để phát triển nhờ thu hút các doanh nghiệp FDI vào khu vực này.

Xét về mặt xã hội, mức độ cạnh tranh sẽ tăng lên khi tham gia TPP có thể làm cho một số doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp vẫn dựa vào sự bao cấp của Nhà nước, các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất và kinh doanh lạc hậu rơi vào tình trạng khó khăn, số doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc phá sản có khả năng sẽ tăng mạnh, kéo theo đó là tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng cao.

Thứ ba, về lĩnh vực pháp lý, hệ thống các quy định của Việt Nam nhìn chung kém phát triển hơn so với các nước thành viên TPP, việc đưa hệ thống quy định lên một mức tương xứng với các đối tác TPP trong khoảng thời gian ngắn là điều khá khó khăn đối với chúng ta.

Thứ tư, về sức ép cạnh tranh, so với các nước thành viên TPP, nền kinh tế Việt Nam có sức cạnh tranh kém nhất. Các doanh nghiệp Việt Nam với năng lực cạnh tranh yếu sẽ phải đối mặt với sức ép về mở cửa thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý, chất lượng sản phẩm... trong môi trường, hoàn cảnh mới hầu như không còn rào cản thuế quan. Ngay với những ngành hàng được xem là có lợi thế khi gia nhập TPP cũng có thể vấp phải không ít rào cản.

Để tham gia TPP hiệu quả

Để thực hiện các cam kết trong TPP một cách có hiệu quả, tận dụng được các cơ hội, khai thác triệt để lợi thế hiện có và ứng phó với những nguy cơ, thách thức do TPP mang lại, Việt Nam cần có những giải pháp đồng bộ, toàn diện và quyết liệt.

Thứ nhất, làm tốt công tác tuyên truyền đến từng doanh nghiệp và cả đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhà nước, đặc biệt là những người làm luật về TPP với đầy đủ những nội dung, cơ hội, thách thức khi thực hiện.

Thứ hai, cải cách và đổi mới thể chế kinh tế một cách sâu rộng, tiến hành cải cách, cơ cấu lại doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động để có thể tồn tại và phát triển trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt từ các nước thành viên TPP, đặc biệt đối với gần 4 triệu hộ kinh doanh cá thể. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện, minh bạch luật pháp, chính sách, nhanh chóng kiện toàn hệ thống pháp luật, ban hành, điều chỉnh, sửa đổi nhiều quy định pháp luật phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết trong TPP, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp; đồng thời tác phong làm việc của cán bộ công chức cũng cần thay đổi đáp ứng được yêu cầu của Hiệp định; tư duy quản lý cũng cần được đổi mới, lấy lợi ích của doanh nghiệp, người dân làm trọng tâm phục vụ.

Thứ ba, xem xét, đánh giá tác động của TPP đến từng thực thể kinh tế, từng đối tượng, từng ngành, lĩnh vực cụ thể để có những giải pháp phù hợp, kịp thời nhằm tận dụng các cơ hội cũng như vượt qua các thách thức mà TPP mang lại.

Thứ tư, thiết lập hệ thống các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại; xây dựng và ban hành các biện pháp vệ sinh, kiểm dịch động, thực vật phù hợp để bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ sức khỏe vật nuôi, cây trồng trong nước.

Thứ năm, thu hút FDI từ các tập đoàn lớn, các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia của các nền kinh tế TPP phát triển, như Hoa Kỳ, Nhật Bản,... vào các ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta để hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp vệ tinh trong nước, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển nhanh, bền vững hơn. Tuy nhiên, Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp cần có giải pháp tổng thể để nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hệ thống giáo dục đào tạo và dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các tập đoàn nước ngoài.

Thứ sáu, đối với ngành dệt may, Chính phủ cần có giải pháp toàn diện để phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ để hỗ trợ cho ngành may mặc cũng như các ngành khác, như thu hút các doanh nghiệp tập đoàn kinh tế từ các nước phát triển trong TPP đầu tư vào ngành dệt may để cung cấp đầu vào cho ngành sản xuất trang phục của Việt Nam. Như vậy, có thể thấy, trong thời gian tới, dòng vốn FDI đầu tư vào ngành dệt may có khả năng sẽ tăng mạnh, nên cần có quy trình thẩm định, cấp phép và giám sát chặt chẽ chất thải của ngành này, nếu không sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường và chi phí bỏ ra để khắc phục hậu quả sẽ rất lớn, thậm chí lớn hơn rất nhiều lợi ích mà ngành này mang lại. □